

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA: Lịch sử (ban hành kèm theo Quyết định số 158 /QĐ-ĐHSP ngày 21/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Lịch sử (4 năm)

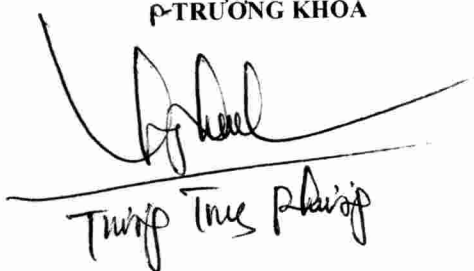
TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	212 3 1902	Triết học Mác –Lênin	3	3	0			
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác –Lênin	2	2	0			
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0			
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0			
5	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0			
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1		1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0		212 2 1512	
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)		(1)		
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)		(1)		
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)		(1)		
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)		(1)		
13	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	0	1		
		KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH						
14	318 2 1421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0			
15	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0			
16	318 4 1415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	4	0			
17	318 4 1414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0		318 4 1415	
18	318 4 1417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0		318 4 1414	
19	318 5 1423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5	5	0			
20	318 4 1422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0		318 5 1423	
21	318 4 1426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0		318 4 1422	
22	318 3 1502	Nhân học đại cương	3	3	0			
23	318 3 1411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	3	0			
24	318 3 1368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0		318 4 1422	
25	318 3 1078	Cơ sở Khảo cổ học	3	3	0			
26	318 3 1193	Địa phương học	3	3	0			
27	318 3 1060	Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại	3	3	0		318 4 1417	
28	318 3 1412	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1918 đến nay	3	3	0		318 4 1417	
29	318 4 1509	Nhập môn sử học và Lịch sử sử học	4	4	0			
30	318 3 1033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận- hiện đại	3	3	0		318 4 1414	
31	318 3 1990	Việt Nam và ASEAN	3	3	0		318 4 1417	
32	318 2 1849	Thực tế chuyên môn	2	0	2			
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	62	60	2			
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ						
33	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0			
34	318 2 1604	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử địa phương	2	2	0			
35	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0			
36	320 3 1255	Giáo dục học	3	3	0		320 4 1719	
37	320 2 1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		320 4 1719	
38	320 2 1593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0		320 4 1719	
39	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		320 4 1719	
40	318 3 1437	Lý luận dạy học lịch sử	3	3	0			
41	318 3 1569	Phương pháp dạy học lịch sử	3	3	0			
42	318 3 1566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	3	3	0			
43	320 2 1355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0			
44	318 4 1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	4	0	4			
45	303 2 1361	Kiến tập sư phạm	2	0	2			
46	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	4			
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	38	26	12			
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN						
47	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0			
48	318 3 1474	Một số vấn đề về triều Nguyễn	3	3	0			

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
49	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6			
50	320 2 1738	Tham vấn tâm lý	2	2	0			
51	318 2 1883	Tin học chuyên ngành (2)	2	2	0			
52	318 3 1473	Một số vấn đề về biển đảo Việt Nam	3	3	0			
53	318 3 1888	Tin ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0			
54	318 3 1880	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	3	3	0		318 4 1422	
55	318 3 1030	Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	3	3	0			
56	318 3 1701	Sử liệu học	3	3	0			
57	318 3 1943	Văn hoá Chăm-pa	3	3	0			
58	318 2 1404	Lịch pháp học	2	2	0			
59	318 3 1902	Toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	3	3	0		318 4 1417	
60	318 2 1471	Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	2	2	0			
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	40	34	6			
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			155					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu **130 tín chỉ**, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

P-TRƯỞNG KHOA


Trương Trung Phương

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA: Lịch sử (ban hành kèm theo Quyết định số 158/QĐ-ĐHSP ngày 21/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Lịch sử (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	318 4 1509	Nhập môn sử học và lịch sử sử học	4	4	0			
	318 4 1415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	4	0			
	318 5 1423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5	5	0			
	318 2 1421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0			
	318 3 1502	Nhân học đại cương	3	3	0			
		Học phần tự chọn						
	00 1 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	0		(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	18	0			
2	212 3 1902	Triết học Mác –Lênin	3	3	0			
	312 2 1885	Tin học đại cương	2	1		1		
	318 4 1422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0		318 5 1423	
	318 4 1414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0		318 4 1415	
	318 3 1078	Cơ sở Khảo cổ học	3	3	0			
	317 2 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0			
		Học phần tự chọn:						
00 1 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	0		(1)			
00 2 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)						
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	17	0	1		
3	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác –Lênin	2	2	0			
	318 3 1368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0		318 4 1422	
	320 3 1255	Giáo dục học	3	3	0		320 4 1719	
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0		212 2 1512	
	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0			
	318 4 1417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0		318 4 1414	
		Học phần tự chọn:						
00 1 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	0		1			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	18	0			
4	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		213 3 1513	
	320 2 1593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0		320 4 1719	
	318 4 1426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0		318 4 1422	
	318 2 1849	Thực tế chuyên môn	2	0	2			
	318 3 1437	Lý luận dạy học lịch sử	3	3	0			
	318 3 1566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	3	3	0			
	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		320 4 1719	
		Học phần tự chọn:						
	00 1 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)		(1)		
	318 3 1474	Một số vấn đề về triều Nguyễn	3	3	0			
318 2 1883	Tin học chuyên ngành (2)	2	2	0				
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			23	21	2			
	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0			
	318 3 1569	Phương pháp dạy học lịch sử	3	3	0			
	318 3 1033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận- hiện đại	3	3	0		318 4 1414	
	320 2 1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		320 4 1719	
	318 3 1990	Việt Nam và ASEAN	3	3	0		318 4 1417	



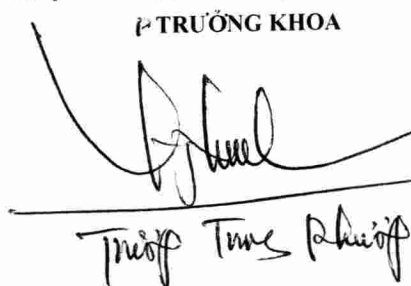
HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
5	320 2 1355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0			
	318 4 1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	4	0	4			
		Học phần tự chọn:						
	318 2 1471	Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	2	2	0			
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			21	15	6		
6	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		213 2 1922	
	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0			
	318 3 1193	Địa phương học	3	3	0			
	318 3 1060	Chủ nghĩa tư bản – hiện đại	3	3	0		318 4 1417	
	318 3 1412	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1918 đến nay	3	3	0		318 4 1417	
	318 3 1411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	3	0			
		Học phần tự chọn:						
	318 3 1880	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	3	3	0		318 4 1422	
	318 3 1888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	22	0			
7	303 2 1361	Kiểm tập sư phạm	2	0	2			
	318 2 1604	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	2	2	0			
		Học phần tự chọn:						
	318 3 1943	Văn hoá Chăm pa	3	3	0			
	318 3 1701	Sử liệu học	3	3	0			
	318 3 1902	Toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	3	3	0		318 4 1417	
	318 3 1473	Một số vấn đề về biển đảo Việt Nam	3	3	0			
	318 3 1030	Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	3	3	0			
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	17	2		
8	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	4			
		Học phần tự chọn:						
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6			
	318 2 1404	Lịch pháp học	2	2	0			
	320 2 1738	Tham vấn tâm lý	2	2	0			
	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			16	6	10			

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu **130 tín chỉ**, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG


Trưởng Khoa



PGS. TS. Lưu Trang